

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/DS-ST

Ngày: 30-12-2021

V/v tranh chấp Hợp đồng thuê khoán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành H.

2. Bà Phạm Thị M.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn A – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 66/2021/TLST-DS, ngày 28 tháng 6 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn TB;

Địa chỉ: Số 43 Đường 17, khu phố 6, phường HBC, thành phố TĐ, thành phố HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Ph (Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn TB), sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 43 Đường 17, khu phố 6, phường HBC, thành phố TĐ, thành phố HCM.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn L2, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp 4, xã TL, huyện M, tỉnh L

Ông Ph có mặt; ông L2 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn TB: Công ty trách nhiệm hữu hạn TB yêu cầu ông Lê Văn L2 phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu

hạn TB số tiền thuê tài sản tính tròn là 91.690.000 (chín mươi một triệu sáu trăm chín mươi ngàn) đồng, trong đó giá trị thiết bị thuê là 78.550.000 (bảy mươi tám triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng; số tiền thuê là 13.140.000 (mười ba triệu một trăm bốn mươi ngàn) đồng; yêu cầu phải trả một lần.

Đề nghị của ông Lê Văn L2: Ông L2 vắng mặt, không có ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ do Công ty trách nhiệm hữu hạn TB cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu ông L2 (bản sao), hồ sơ thuê tài sản (bản sao và bản photo), bản tự khai.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Lê Văn L2 cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Các tình tiết do ông Ph trình bày: Vào ngày 25/3/2021, Công ty trách nhiệm hữu hạn TB và ông L2 có ký kết hợp đồng thuê thiết bị xây dựng. Theo đó, công ty có cho ông L2 thuê thiết bị xây dựng theo yêu cầu của ông L2. Hợp đồng có ghi rõ các điều khoản về nội dung thuê, phương thức thanh toán, cam kết. Tuy nhiên đến nay ông L2 chưa thanh toán hết cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TB. Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn TB yêu cầu ông L2 phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TB số tiền thuê tài sản tính tròn là 91.690.000 (chín mươi một triệu sáu trăm chín mươi ngàn) đồng, trong đó giá trị thiết bị thuê là 78.550.000 (bảy mươi tám triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng; số tiền thuê là 13.140.000 (mười ba triệu một trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Ông Ph xác định không còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông Ph đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Sau khi xem xét, đánh giá tài liệu, chứng cứ của Công ty trách nhiệm hữu hạn TB cung cấp thì xác định lại quan hệ pháp luật là “Hợp đồng thuê khoán tài sản” được quy định tại Bộ luật dân sự. Ông Lê Văn L2 có địa chỉ tại xã TL, huyện M, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về việc giải quyết vắng mặt ông Lê Văn L2:* Ông L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L2.

[3]. *Về yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn TB:*

[3.1]. Công ty trách nhiệm hữu hạn TB khởi kiện và cung cấp chứng cứ là hồ sơ thuê thiết bị xây dựng. Ông Lê Văn L2 vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn TB. Do đó, Tòa án căn cứ vào lời trình bày cùng tài liệu, chứng cứ của Công ty trách nhiệm hữu hạn TB cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2]. Căn cứ vào hồ sơ thuê thiết bị xây dựng có chữ ký và chữ viết theo Công ty trách nhiệm hữu hạn TB trình bày là của ông L2. Theo nội dung bảng tính giá trị thiết bị ngày 31/5/2021 và bảng tính tiền thuê thiết bị xây dựng ngày 31/5/2021 thể hiện ông L2 chưa hoàn trả tài sản thuê và chưa thanh toán tiền thuê cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TB.

[3.3]. Từ những tài liệu, chứng cứ trên, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 483, Điều 486, Điều 488, Điều 493 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn TB đối với ông L2, buộc ông L2 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TB số tiền tính tròn là 91.690.000 (chín mươi một triệu sáu trăm chín mươi ngàn) đồng, trong đó giá trị thiết bị thuê là 78.550.000 (bảy mươi tám triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng; số tiền thuê là 13.140.000 (mười ba triệu một trăm bốn mươi ngàn) đồng.

[4]. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Được áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5]. *Về thời gian trả và cách thức trả*: Công ty trách nhiệm hữu hạn TB yêu cầu trả một lần, ông L2 vắng mặt, không có ý kiến nên xem như các đương sự không thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6]. *Về án phí*: Ông Lê Văn L2 phải chịu số tiền 4.584.500 (bốn triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Công ty trách nhiệm hữu hạn TB không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 357, Điều 468, Điều 483, Điều 486, Điều 488, Điều 493 Bộ luật dân sự, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn TB đối với ông Lê Văn L2, buộc ông L2 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TB số tiền tính tròn là 91.690.000 (chín mươi một triệu sáu trăm chín mươi ngàn)

đồng, trong đó giá trị thiết bị thuê là 78.550.000 (bảy mươi tám triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng; số tiền thuê là 13.140.000 (mười ba triệu một trăm bốn mươi ngàn) đồng.

2. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí, căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

3.1. Buộc ông Lê Văn L2 phải chịu số tiền 4.584.500 (bốn triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn TB không phải chịu án phí, hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TB số tiền 2.292.475 (hai triệu hai trăm chín mươi hai ngàn bốn trăm bảy mươi lăm) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000289 ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

4. Căn cứ vào các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L1